TÒA ÁN NHÂN DÂN **Thành phố Hồ Chí MinhỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1273/2022/QĐST-DS	*Thành phố Hồ Chí Minhồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 03 tháng 8 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 751/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc "Tranh chấp về thừa kế".

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 03/8/2022 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn Q, sinh năm 1950

Địa chỉ: Số nhà B9/4 ấp 2, xã M, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn:

1. Ông Trần Quang E, sinh năm 1947
2. Ông Trần Văn R , sinh năm 1960

Cùng địa chỉ: Số 163/27 đường L, Phường K, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị T, sinh năm 1956

Địa chỉ: Số 163/36 đường L, Phường K, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn Y, sinh năm 1954 (chết năm 2021), gồm:

- Bà Trần Thị U, sinh năm 1956
- Ông Trần Hữu I, sinh năm 1982

Người đại diện theo ủy quyền của ông I: Bà Trần Thị U, sinh năm 1956

Cùng địa chỉ: B9/4 ấp 2, xã M, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Ông Trần Văn O, sinh năm 1958
4. Bà Trần Thị P, sinh năm 1964

Cùng địa chỉ: Số 163/27 đường L, Phường K, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà Trần Mộng A, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số 80/163 đường Q, Phường E, quận R, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1948

7. Ông Trần Hoàng D, sinh năm 1971
8. Ông Trần Minh G, sinh năm 1972
9. Ông Trần Phước H, sinh năm 1987

Cùng địa chỉ: Số 50 ấp X, xã C, huyện V, tỉnh B

10. Bà Trần Mộng K, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số 1/8 đường P, 005 O, thành phố I, huyện U, Y.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Mộng A, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số 80/163 đường Q, Phường E, quận R, Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Bà Âu Thị Xuân L
12. Bà Trần Thị Mai X
13. Ông Trần Thái C
14. Ông Trần Quang V
15. Ông Trần Quang B
16. Ông Tô Phước N
17. Bà Tô Yến M
18. Bà Tô Yến A
19. Trẻ Võ Minh S
20. Trẻ Trần Hạo D
21. Trẻ Trần Lê Thái G
22. Trẻ Võ Gia H

Cùng địa chỉ: Số 163/27 đường L, Phường K, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Tài sản là nhà đất thuộc thửa đất số 126 tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại địa chỉ số 163/27 đường L, Phường K, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Trần Văn A (chết năm 2001) và bà Quách Thị B (chết năm 1998) để lại. Nhà đất đã được Ủy ban nhân dân Quận P cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 528/02 ngày 29/7/2002 do ông Trần Văn O đại diện đứng đơn khai trình.

Ông Trần Văn G và ông Trần Văn R có trách nhiệm liên đới giao cho:

- Ông Trần Văn Q và ông Trần Văn O mỗi người số tiền 450.000.000 (Bốn trăm năm mươi triệu) đồng.

- Bà Trần Thị T; bà Trần Thị P; Những nười thừa kế của ông Trần Văn Y (chết năm 2021) gồm bà Trần Thị U, ông Trần Hữu I do bà U đại diện; Những người thừa kế của ông Trần Văn C (chết năm 2017) gồm bà Nguyễn Thị S, bà Trần Mộng A, ông Trần Hoàng D, ông Trần Minh G, Trần Phước H, bà Trần Mộng K do bà Trần Mộng A đại diện mỗi phần số tiền 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng.

Ông Trần Văn G và ông Trần Văn R thực hiện việc giao tiền đồng thời cùng lúc với việc ông Trần Văn O giao lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 528/02 do Ủy ban nhân dân Quận P cấp ngày 29/7/2002 và bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ đề ngày 30/12/2002 cho ông E và ông R .

Bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 528/02 do Ủy ban nhân dân Quận P cấp ngày 29/7/2002 và bản chính Tờ khai lệ

phí trước bạ đề ngày 30/12/2002 ông Trần Văn O đang quản lý. Nhà đất trên hiện nay do gia đình ông Trần Văn G và ông Trần Văn R đang quản lý sử dụng.

Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ giao tiền, ông Trần Văn G và Trần Văn R được toàn quyền sở hữu nhà đất thuộc thửa đất số 126 tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại địa chỉ số 163/27 đường L, Phường K, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật. Ông Trần Văn G và ông Trần Văn R được quyền liên hệ với cơ quan chức năng có thẩm quyền để tiến hành thủ tục hợp thức hoá nhà đất theo quy định của pháp luật.

Ông Trần Văn R và ông Trần Văn G có trách nhiệm thanh toán số tiền cho các ông bà trên chậm nhất là ngày 15/10/2022. Hết thời hạn ông R và ông E không thanh toán cho các ông bà số tiền trên thì các ông bà trên có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản là nhà đất thuộc thửa đất số 126 tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại địa chỉ số 163/27 đường L, Phường K, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh để thi hành Quyết định.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Do ông Trần Văn Q là người cao tuổi nên được miễn án phí theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Hoàn lại cho ông Trần Văn Q số tiền tạm ứng án phí 6.250.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0040026 ngày 09/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận P.

Do bà Trần Thị T, ông Trần Văn O, bà Trần Thị U là người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn Y (chết năm 2021), bà Nguyễn Thị S là người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn C (chết năm 2017) là người cao tuổi nên được miễn án phí theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Hoàn lại cho bà Trần Thị Mộng Tuyền số tiền tạm ứng án phí 6.250.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0091719 ngày 10/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Trần Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.000.000 đồng nhưng được cấn trừ vào số tiền 6.250.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0091714 ngày 09/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị P còn phải nộp số tiền 3.750.000 đồng.

Chi phí tố tụng gồm chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí thẩm định giá ông Trần Văn Q đã nộp và thực hiện xong.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;

THẨM PHÁN

- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THA DS TP.HCM;
- Chi cục THA DS Quận P;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ (T/21).

Trần Thị Kim Quy

